TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-02-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên;

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 619/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh Anh Văn Phú T, sinh năm 1994; thường trú: Số 17/7 khu phố B, phường D, thành phố A, tỉnh Bình Dương; Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc Đoan T2, sinh năm: 1994; thường trú: Số 17/7 khu phố B, phường D, thành phố A, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Anh Văn Phú T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Anh Văn Phú T và chị Nguyễn Ngọc Đoan T2 tự nguyện chung sống với nhau, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thị xã A (nay là thành phố A), tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 219/2018-KH ngày 18/9/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống

tại A, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cụ thể: Hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có sự đồng cảm, mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh, chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm để xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc nhưng không có kết quả. Từ tháng 03/2022 đến nay anh T và chị T1 đã sống ly thân. Nhận thấy hôn nhân của anh, chị không hạnh phúc nên anh T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị T1. Hiện nay anh T làm Bác sĩ tại Trung tâm y tế phường với mức thu nhập hơn 7.000.000 đồng/tháng.

Về con chung: Anh T và chị T1 có 01 con chung tên Văn Phú Vĩnh P, sinh ngày 04/9/2019. Hiện nay con chung đang sống cùng chị T1. Sau khi ly hôn, anh T giao con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn chị Nguyễn Ngọc Đoan T2*: Quá trình tố tụng, chị T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị T1 để làm việc, lấy lời khai, cung cấp chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của anh T; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng chị T1 vắng mặt không có lý do. Đồng thời, chị T1 cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh T.

- *Ngày 23/12/2022, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Anh Văn Phú T và chị Nguyễn Ngọc Đoan T2 tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường Dĩ An và được cung cấp như sau*: Trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án, anh Anh Văn Phú T không có đơn yêu cầu Hội liên hiệp phụ nữ phường Dĩ An tiến hành hòa giải. Hội liên hiệp phụ nữ phường Dĩ An, thành phố Dĩ An cũng không có thông tin trình báo về mâu thuẫn giữa vợ, chồng anh Anh Văn Phú T và chị Nguyễn Ngọc Đoan T2. Vì vậy, về tình trạng quan hệ hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mẫu thuẫn giữa anh, chị Hội liên hiệp phụ nữ phường Dĩ An không biết được.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự;

bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 12/01/2023 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Anh Văn Phú T và chị Nguyễn Ngọc Đoan T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường D, thị xã A (nay là thành phố A), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 219/2018-KH ngày 18/9/2018 đúng với quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Anh T xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, không có sự đồng cảm với nhau trong cuộc sống hôn nhân dẫn đến mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân tại Hội liên hiệp phụ nữ phường Dĩ An nhưng Hội liên hiệp phụ nữ không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ, chồng anh T và chị T1. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập chị T1 đến Tòa án để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T1 không đến. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn có cơ sở xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng và cả hai đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của anh T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, anh T và chị T1 có một con chung tên Văn Phú Vĩnh P, sinh ngày 04/9/2019. Hiện cháu Phước đang ở cùng chị T1, anh T đồng ý giao con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét, từ khi ly thân cho tới nay chị T1 là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phước. Qúa trình tố tụng, anh T đồng ý giao cháu Phước cho chị T1

trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để tránh làm xáo trộn môi trường sống, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu, vì vậy, Tòa án giao cháu Phước cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng: Nghĩa vụ nuôi con là cả cha lẫn mẹ, khi ly hôn, người không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000đồng/tháng. Căn cứ quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi xem xét điều kiện thực tế của nguyên đơn và nhu cầu thiết yếu của con chung ở độ tuổi nêu trên thì thấy mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Anh Văn Phú T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Anh Văn Phú T về tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn chị Nguyễn Ngọc Đoan T2.

1.1 Về hôn nhân: Anh Anh Văn Phú T được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Đoan T2 [Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 219/2018-KH do Uỷ ban nhân dân phường Dĩ An, thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/9/2018].

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Văn Phú Vĩnh P, sinh ngày 04/9/2019 cho chị Nguyễn Ngọc Đoan T2 trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, anh Anh Văn Phú T và chị Nguyễn Ngọc Đoan T2 đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện

quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3 Về cấp dưỡng: Anh Anh Văn Phú T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.4 Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Anh Văn Phú T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005931 ngày 21/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Anh Văn Phú T còn phải nộp 300.000 đồng.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương